

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6512 /STNMT-CCQLĐĐ

Đồng Nai, ngày 23 tháng 8 năm 2021

V/v đăng thông tin lên cổng thông tin điện tử đối với dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh.

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 12890/UBND-KTN ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định các dự án đo đạc, bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, tham mưu đề xuất UBND tỉnh chỉnh sửa Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 cho phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ quy định tại Điều 120 và Điều 129 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh để Văn phòng UBND tỉnh đăng thông tin lên Cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân theo quy định (*gửi kèm theo dự thảo thay thế Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh*).

Sau thời gian lấy ý kiến, đề nghị đơn vị tổng hợp ý kiến góp ý và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, chỉnh sửa lại dự thảo (nếu có), trình thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - Giám đốc Sở (b/c), các PGĐ Sở;
 - Lưu: VT, CCQLĐĐ (Đồng 07b);.
- D/CVDong/Dang thông tin.doc

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thường

Số: /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa
hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500,
1:1000, 1:2000, 1:5000;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm
tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định,
nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;*

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số .../TTr-STNMT ngày tháng năm 2021 ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Cục Thi án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh KTN;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, THNC, Ban TCD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, Ủy ban Nhân dân cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
3. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Hệ thống điểm đo đạc, hệ thống bản đồ các loại, cơ sở dữ liệu liên quan đến đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải được xây dựng ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiếu 3⁰.
2. Công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao khác trước khi sử dụng phải chuyển sang Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiếu 3⁰.

Điều 3. Công nghệ thành lập bản đồ

Bản đồ phải được thành lập bằng công nghệ số, sử dụng phần mềm theo quy định của các bộ, ngành chủ quản, đảm bảo việc sử dụng, lưu trữ, cập nhật, chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các tổ chức không có trụ sở chính hoặc không có chi nhánh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải thực hiện đăng ký hoặc thông báo về việc hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi, quản lý theo quy định.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Trường hợp bản đồ xuất bản yêu cầu phải có giấy phép thì phải thực hiện xin phép xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công cộng, cơ quan công sở.

Điều 5. Lập thiết kế kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Việc lập thiết kế kỹ thuật đo vẽ bổ sung, đo vẽ lại, đo chỉnh lý bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

2. Các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ hoặc có nội dung đo đạc và bản đồ khác (trừ trường hợp đo đạc và bản đồ địa chính tại khoản 1 điều này) thực hiện bằng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm lập thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Sự cần thiết phải đo đạc, lập bản đồ;
- b) Cơ sở pháp lý;
- c) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- d) Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ;

đ) Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ trong phạm vi thực hiện dự án, công trình; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

e) Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;

g) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

h) Tổ chức thực hiện;

i) Dự toán kinh phí;

h) Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

3. Trường hợp đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý chỉnh lý bản đồ địa chính do yếu tố quy hoạch dựa trên các tài liệu được cung cấp thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải lập phương án thi công theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

a) Căn cứ lập phương án thi công;

b) Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

c) Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

d) Kinh phí thực hiện.

4. Các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khác thực hiện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân không thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì lập phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ (trừ trường hợp đo chỉnh lý riêng từng thửa đất). Nội dung chính của phương án kỹ thuật bao gồm:

a) Tóm tắt yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

b) Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

c) Kinh phí thực hiện.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ

a) Công trình đo vẽ bổ sung, đo vẽ lại, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ; Sở Tài chính có ý kiến thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Công trình đo đạc và bản đồ hoặc có nội dung đo đạc và bản đồ khác (trừ trường hợp đo đạc và bản đồ địa chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) thực hiện bằng ngân sách nhà nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh và Ủy ban Nhân dân cấp huyện, thành phố quyết định đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ; Sở Tài chính có ý kiến thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phương án thi công đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính do yếu tố quy hoạch dựa trên các tài liệu được cung cấp thực hiện bằng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư gửi Sở Tài nguyên và môi trường có ý kiến thẩm định đối với căn cứ lập phương án thi công; mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc; giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện; căn cứ áp dụng dự toán kinh phí thực hiện.

d) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ. Kết quả thẩm định là cơ sở để phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí.

đ) Thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn để thẩm định, gồm: Văn bản đề nghị thẩm định của chủ đầu tư; văn bản làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ; báo cáo khảo sát; thiết kế kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ; phụ lục, mẫu, biểu liên quan; các tài liệu, số liệu liên quan khác. Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn có ý kiến thẩm định gửi chủ đầu tư.

2. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ

a) Đối với các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc chủ đầu tư phê duyệt theo ủy quyền của cơ quan quyết định đầu tư.

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

Điều 7. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận sản phẩm bản đồ

1. Quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai và Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận các sản phẩm bản đồ thuộc thẩm quyền, gồm: Bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ được lập phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị.

4. Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

a) Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ địa chính khác thực hiện phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

b) Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính do yếu tố quy hoạch dựa trên các tài liệu được cung cấp phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác theo ủy quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành được kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm

tra, thẩm định. Các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm cùng 01 (một) công trình đo đạc và bản đồ mà đơn vị mình thi công và cấp chủ đầu tư thuê kiểm tra, thẩm định.

Điều 8. Giao nộp tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

Đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thực hiện bằng ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị giao nộp tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp 01 (một) tài liệu, dữ liệu, sản phẩm (dạng giấy và dạng số) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ, cập nhật vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

Điều 9. Xây dựng, sử dụng, bảo vệ, di dời công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành

1. Xây dựng công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành
 - a) Các sở, ngành tổ chức xây dựng mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành theo chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.
 - b) Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Tổ chức, cá nhân sử dụng mốc đo đạc chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 Luật Đo đạc và Bản đồ.
3. Việc bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đo đạc và Bản đồ.
4. Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành
 - a) Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến về việc di dời, phá dỡ dấu mốc đo đạc, các sở, ban, ngành có trách nhiệm trả lời bằng văn bản để cơ quan, tổ chức và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện biết.
 - b) Các sở, ban, ngành có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc di dời, phá dỡ các công trình xây dựng đo đạc bị hư hỏng; cập nhật vào hồ sơ các tài liệu liên quan đến công trình xây dựng đo đạc di dời, phá dỡ để quản lý.
 - c) Trường hợp thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà công trình hạ tầng đo đạc không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, cần phải di dời thì cơ quan có thẩm quyền giao đất có trách

nhệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến thu hồi, giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chi trả bồi thường cho việc di dời mốc đo đạc theo dự toán kinh phí được phê duyệt.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc cơ bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh.
3. Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố để lưu trữ, cập nhật thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.
4. Tham gia ý kiến vào các thiết kế kỹ thuật - dự toán, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước.
5. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, sử dụng, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành tài nguyên và môi trường.
6. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá, phí, lệ phí đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
7. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.
8. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.
9. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ thông tin tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và sử dụng dữ liệu về đo đạc và bản đồ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý.
2. Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, kế hoạch thực hiện, phương án thi công đo đạc và bản đồ chuyên ngành sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

3. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của bộ, ngành chủ quản.

4. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, sử dụng, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành.

5. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

3. Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

5. Chỉ đạo và giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp huyện xử lý các hành vi xâm hại đến các công trình hạ tầng đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định.

b) Kiểm tra, xem xét hiện trường mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành về tình trạng bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, công trình phải di dời hoặc hủy bỏ. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban Nhân dân cấp xã phải xử lý, báo cáo các sở, ban, ngành để giải quyết theo quy định.

c) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định để phục vụ công tác quản lý của địa phương.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn, đồng thời báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban Nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn quản lý, xử lý trường hợp không thông báo khi sử dụng mốc đo đạc theo quy định.

5. Phối hợp với đơn vị đo đạc, cử công chức địa chính, cán bộ ấp, khu phố để hỗ trợ, hướng dẫn khi có yêu cầu.

6. Tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định để phục vụ công tác quản lý của địa phương.

7. Hàng năm báo cáo về tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình xây dựng đo đạc

1. Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại hoặc cản trở việc sử dụng công trình xây dựng đo đạc.

2. Khi có công trình kiến trúc mới được xây dựng trên thửa đất liền kề công trình xây dựng đo đạc làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng thì phải thông báo ngay cho Ủy ban Nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ.

3. Khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc, chủ sở hữu công trình kiến trúc phải báo cáo Ủy ban Nhân dân cấp xã để có biện pháp bảo vệ dấu mốc đo đạc.

4. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới Sở Tài nguyên và Môi trường; cá nhân phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời hoặc hủy bỏ. Việc di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc chỉ được thực hiện khi được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình hạ tầng đo đạc.

5. Kinh phí di dời, khôi phục dấu mốc đo đạc do cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu di dời hoặc phá dỡ phải chi trả.

6. Trường hợp tự ý hủy hoại công trình xây dựng đo đạc thì chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật khác có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước đình chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cấp trên ban hành mà nội dung trong Quy định này không còn phù hợp thì áp dụng văn bản của cấp trên.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH